

Bản án số: 22/2017/KDTM-ST

Ngày 20-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Anh Đắc

Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2017/TLST-KDTM ngày 03 tháng 5 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần H

Địa chỉ: 35 đường B, Phường C, thành phố K, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Quang H – Sinh năm 1977, địa chỉ: 48 đường T, Phường B, thành phố K, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo Giấy ủy quyền ngày 28-3-2017. (Ông Hiền có mặt)

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ D

Địa chỉ: 15 đường B, Phường T, thành phố K, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Xuân P là người đại diện theo pháp luật của bị đơn - Giám đốc Công ty. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11-4-2017, các lần làm việc và tại phiên Tòa, đại diện nguyên đơn - Công ty Cổ phần H trình bày:

Ngày 23-9-2013, Công ty Cổ phần H (Sau đây gọi là Công ty H) có ký hợp đồng mua bán số 319/DMCS-KTKH bán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ D (Sau đây gọi là Công Ty D) một số hóa phẩm các loại là Phân KCL và Bột Baite với tổng giá trị tiền hàng là 5.980.890.000đồng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Thực hiện hợp đồng trên, ngày 25-12-2013 Công ty H đã giao đầy đủ hàng hóa trong hợp đồng đã ký kết cho Công ty D. Ngày 26-12-2013, Công ty H xuất 02 hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền là 6.452.434.500đồng cho Công Ty D.

Ngày 31-12-2015, Công ty D thanh toán cho Công ty H được 703.096.186đồng.

Ngày 15-4-2016, Công ty D đã ký vào Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ, theo đó số tiền mà Công ty D còn nợ Công ty H là 5.749.338.314đồng. Từ đó đến nay, mặc dù Công ty H nhiều lần yêu cầu Công ty D phải thanh toán số tiền còn nợ nhưng Công ty D không thanh toán.

Nay Công ty H yêu cầu Công ty D phải thanh toán số tiền còn nợ là 5.749.338.314đ (Năm tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm ba mươi tám ngàn, ba trăm mười bốn đồng).

Đối với bị đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ D: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, đối chiếu quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện Công ty Cổ phần H đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Công ty H khởi kiện Công ty D yêu cầu thanh toán nợ còn lại của hợp đồng mua bán nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, Công ty D có trụ sở chính tại thành phố Vũng Tàu nên căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Công ty D đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Công ty D.

[2] Về nội dung:

Ngày 23-9-2013, Công ty H và Công ty H ký kết hợp đồng mua bán số 319/DMCS-KTKH, với nội dung: Công ty H bán cho Công ty D một số hóa phẩm các loại là Phân KCL và Bột Baite với tổng giá trị tiền hàng là 5.980.890.000đồng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Ngày 25-12-2013, Công ty H đã giao hàng cho Công ty D. Ngày 26-12-2013, Công ty H xuất 02 hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền là 6.452.434.500đồng. Ngày 31-12-2015, Công ty D thanh toán cho Công ty H được 703.096.186đồng. Ngày 15-4-2016, Công ty D đã ký vào Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ, theo đó số tiền mà Công ty D còn nợ Công ty H là 5.749.338.314đồng.

Nay Công ty H khởi kiện yêu cầu Công ty D phải thanh toán số tiền còn nợ là 5.749.338.314đ (Năm tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm ba mươi tám ngàn, ba trăm mười bốn đồng).

Xét tài liệu, chứng cứ và yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Hợp đồng mua bán số 319/DMCS-KTKHN ngày 23-9-2013, giữa Công ty H và Công ty D đều do người đại diện theo pháp luật của hai Công ty ký kết, những nội dung các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng như: Số lượng hàng hóa, giá cả, chất lượng, điều kiện giao hàng, điều khoản thanh toán, bảo hành và các cam kết khác đều trên cơ sở tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên xác định Hợp đồng này là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng: Ngày 25-12-2013, Công ty H đã giao hàng cho Công ty D theo đúng thời gian thỏa thuận tại Điều 3 của Hợp đồng, khi giao hàng các bên đã lập biên bản giao nhận hàng hóa và ngày 26-12-2013, Công ty H xuất 02 hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền là 6.452.434.500đồng cho Công ty D; ngày 31-12-2015, Công ty D thanh toán cho Công ty H được 703.096.186đồng, còn nợ Công ty H số tiền 5.749.338.314đồng, điều này được thể hiện tại Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ ngày 15-4-2016 mà Công ty D đã ký xác nhận, từ đó đến nay không thanh toán khoản nào khác. Như vậy, có thể khẳng định Công ty D đã vi phạm về nghĩa vụ thanh toán mà các bên đã thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng (Điều 4 quy định thời gian thanh toán là 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hàng và nhận đủ bộ chứng từ thanh toán) và theo quy định tại Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 50 Luật thương mại năm 2005. Do đó, Công ty H yêu cầu Công ty D phải thanh toán số tiền còn nợ 5.749.338.314đ (Năm tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm ba mươi tám ngàn, ba trăm mười bốn đồng) là hoàn toàn có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của Công ty H được chấp nhận toàn bộ nên Công ty D phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán 5.749.338.314đồng là 113.749.338đồng (Cách tính: 4.000.000.000đồng là 112.000.000đồng + (1.749.338.314đồng x 0,1%) = 1.749.338đồng).

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty H.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 95, Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 50 Luật thương mại; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về áp phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần H đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ D.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ D phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần H số tiền mua hàng còn nợ là 5.749.338.314đ (Năm tỷ, bảy trăm bốn mươi chín triệu, ba trăm ba mươi tám ngàn, ba trăm mười bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10% tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ D phải nộp 113.749.338đồng (Một trăm mười ba triệu, bảy trăm bốn mươi chín ngàn, ba trăm ba mươi tám đồng).

- Hoàn lại cho Công ty Cổ phần H số tiền tạm ứng án phí 56.874.669đ (Năm mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi tư ngàn, sáu trăm sáu mươi chín đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003943 ngày 28-4-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp.Vũng Tàu.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TPVT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**